

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ GẠO
TỈNH TIỀN GIANG**

-Bản án số: 101/2024/DS-ST

-Ngày: 17/4/2024

-V/v “*Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản*”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO, TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Văn Tài**;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Trần Văn Bé Ba**

2. Bà **Lê Thị Ngọc Ánh**

- *Thư ký phiên tòa:* bà **Trần Thị Huyền Trân** Thư ký Tòa án nhân dân huyện C;

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C không tham gia phiên tòa.*

Ngày 17 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 68/2024/TLST- DS ngày 01 tháng 3 năm 2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 52/2024/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện C giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Hồ Thị Kim H, sinh năm 1956**

Địa chỉ: ấp 142 Ô 1, khu 2, Thị trấn C, huyện C, tỉnh T

* Đại diện theo ủy quyền: **Nguyễn Thị Huỳnh N, sinh năm 1988** (có mặt)

Địa chỉ: ấp Đăng Phong Trên, xã Đăng Hưng Phước, huyện C, tỉnh T

2. Bị đơn: **Bùi Ánh T, sinh năm 1966** (có mặt)

Địa chỉ: Đường số 4, Ô1, Khu 2, Thị trấn C, huyện C, tỉnh T

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn trình bày:*

Ngày 06/4/2016 dương lịch, bà H có cho bà T vay số tiền 100.000.000 đồng. Bà T có viết biên nhận và ký tên vào giấy biên nhận.

Ngày 15/11/2016 dương lịch, bà H có cho bà T vay tiếp số tiền 30.000.000 đồng. Bà T có viết biên nhận và ký tên vào giấy biên nhận.

Khi vay các bên thỏa thuận miệng lãi suất tính theo lãi suất ngân hàng và thời hạn vay là 01 năm nhưng đến hạn, bà T không trả và kéo dài đến nay nên bà H khởi kiện.

Khi khởi kiện, bà H yêu cầu bà T trả lại số tiền còn nợ là 130.000.000 đồng, không yêu cầu tính tiền lãi, tuy nhiên trong quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án, bà T có trả trước được 12.000.000 đồng, còn lại 118.000.000 đồng. Do đó, bà H xin thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, bà H chỉ yêu cầu bà T trả số tiền vốn 118.000.000 đồng.

Việc bà T xin trả dần mỗi tháng 1.500.000 đồng, bà H không đồng ý. Bà H yêu cầu trả ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

** Tại bản tự khai, qua hòa giải và tại phiên tòa, bị đơn trình bày:*

Bà thừa nhận có vay của bà H 02 lần tiền tổng cộng 130.000.000 đồng để làm vốn làm ăn như lời bà H trình bày trong đơn khởi kiện và tại phiên tòa. Khi vay bà H có viết và ký tên vào “Biên nhận” đưa bà H giữ. Do thời gian gần đây, việc làm ăn bị thất bại nên chỉ trả được 12.000.000 đồng tiền vốn, còn nợ lại 118.000.000 đồng chưa trả cho bà H. Nay bà H khởi kiện, bà đồng ý trả số nợ vốn 118.000.000 đồng nhưng không khả năng trả một lần, xin trả mỗi tháng 1.500.000 đồng cho đến khi hết nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội Hòa xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Bà H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà T trả lại số tiền vốn vay còn nợ là 118.000.000 đồng nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “*tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn cư trú tại huyện C nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C và được xem xét giải quyết theo quy định của Bộ luật Dân sự cùng các quy định pháp luật khác có liên quan.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy: Bà H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà T trả lại số tiền vốn vay còn nợ là 130.000.000 đồng. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện, bà H cung cấp cho Tòa án bản chính “Biên nhận ngày 15/11/2016 và ngày 06/4/2016” với nội dung thể hiện bà T vay bà H số tiền theo 02 biên nhận tổng cộng 130.000.000 đồng, có chữ ký tên, họ tên của bà T là người nhận tiền.

Xét thấy, tại “Biên nhận ngày 15/11/2016 và ngày 06/4/2016” với nội dung thể hiện bà T vay số tiền tổng cộng 130.000.000 đồng, có chữ ký tên, họ tên của bà T là người nhận tiền và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bà T cũng thừa nhận có vay và còn nợ bà H số tiền 118.000.000 đồng, do thời gian gần đây, việc làm ăn bị thất bại nên bà chưa trả vốn cho bà H.

Xét thấy, tại đơn khởi kiện bà H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà T trả lại số tiền vốn vay còn nợ là 130.000.000 đồng tuy nhiên trong quá trình giải

quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bà H cũng thừa nhận bà T có trả trước số tiền 12.000.000 đồng còn nợ lại số tiền 118.000.000 đồng nên bà H thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu bà T trả số tiền còn nợ 118.000.000 đồng. Đây là quyền tự định đoạt của đương sự, việc thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện là tự nguyện và phù hợp quy định tại Điều 244 Bộ luật Tố tụng Dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Như vậy, Hội đồng xét xử thấy có đủ cơ sở khẳng định bà T có vay tiền và còn nợ bà H số tiền 118.000.000 đồng. Các bên thỏa thuận miệng vay trong 12 tháng trả lại nhưng việc làm ăn bị thất bại nên bà T chưa trả vốn cho bà H và kéo dài đến nay là vi phạm nghĩa vụ của bên vay do đó bà H khởi kiện yêu cầu bà T trả số nợ 118.000.000 đồng là phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án tính đến thời điểm xét xử vụ án và phù hợp quy định tại Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H, buộc bà T có nghĩa vụ trả cho bà H số tiền vay còn nợ là 118.000.000 đồng.

[3] Xét yêu cầu tính tiền lãi:

Tại đơn khởi kiện và tại phiên tòa, bà H không yêu cầu bà T trả tiền lãi nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[4] Về thời gian trả nợ:

Bà H yêu cầu bà T trả số tiền nợ nêu trên ngay khi án có hiệu lực pháp luật. Bà T xin trả dần hàng tháng cho đến khi hết nợ.

Xét thấy, bà T đã vi phạm nghĩa vụ của bên vay tài sản, nếu trả dần theo phương án của bà T sẽ kéo dài thời gian trả nợ và thiệt thòi quyền, lợi ích hợp pháp cho bà H, hơn nữa bà H không đồng ý cho bà T trả dần nên việc bà H yêu cầu trả số nợ trên ngay khi án có hiệu lực pháp luật là phù hợp. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà H, buộc bà T có nghĩa vụ trả số nợ trên ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên được hoàn lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí tuy nhiên bà H là người cao tuổi và thuộc diện được miễn nộp tạm ứng án phí nên không có hoàn lại tạm ứng án phí. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[6] Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo bản án yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh T xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 463, Điều 466 và khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự;

- Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

*** Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Thị Kim H.**

1. Bà Bùi Ánh T có nghĩa vụ trả cho bà Hồ Thị Kim H số tiền vốn vay 118.000.000 đồng (*Một trăm mười tám triệu đồng*), trả ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ khi bà Hồ Thị Kim H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Bùi Ánh T chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải trả lãi theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Bà Bùi Ánh T phải chịu 5.900.000 đồng.

3. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo bản án yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh T xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI HÒA XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh T;
- VKSND huyện C;
- Cc. THADS huyện C;
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ, án văn;

Phạm Văn Tài

